TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 262 /2017/HNGĐ –ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2017.
(*V/v xin ly hôn*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Sỹ Hùng .

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 660/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 823/2017 / QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc xin ly hôn giữa :

* Nguyên đơn: Anh Trần Đăng K- Sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Chị Lê Thị Kiều T – sinh năm: 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C1, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ong Lê Hoàng T sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp C2, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Lời trình bày của anh Trần Đăng K về hôn nhân Anh K và chị Lê Thị Kiều T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố C, Tỉnh Cà Mau vào ngày 25/04/2012. Trong thời gian chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân anh K khai là do chị T không tôn trọng cha mẹ anh, vợ chồng thường xuyên mâu thuẩn. Do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, lúc đầu mâu

thuẩn nhỏ sau đó ngày càng lớn dần nên nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng lẩn nhau nên yêu cầu được ly hôn.

* Lời trình bày của bị đơn là chị Lê Thị Kiều T về điều kiện kết hôn chị T thừa nhận đúng như lời trình bày của anh K, về nguyên nhân mâu thuẩn của vợ chồng chị T xác định vợ chồng có mâu thuẩn, nguyên nhân do anh K không lo làm ăn thường hay cờ bạc , chơi game bắn cá phát sinh nợ nần gia đình hai bên có gặp nhau khuyên ngăn giải quyết việc mâu thuẩn của vợ chồng nhưng không có kết quả, kể từ ngày 26/11/2015 chị về nhà cha mẹ ruột sống bản thân anh K cũng không quan tâm nay chị vẩn thống nhất ly hôn với anh K.

Về con chung anh, chị xác định : có 01 người Trần Hải N sinh ngày 09/05/2013. Hiện cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn anh Kvà chị T đều yêu cầu được nuôi. Đối với anh K không cần cấp dưỡng chị T yêu cầu cấp dưỡng theo qui định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh, chị xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết. Trong quá trình hòa anh Khoa có đặt ra yêu cầu việc cầm xe liên quan đến ông Lê Tấn H, song anh đã rút lại yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung : Không có.

Đối với ông Lê Tấn H không có ý kiến gì về tranh chấp xe 69C1-023.38

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Quan hệ pháp luật giữa nguyên, bị đơn đặt ra được xác định là quan hệ về hôn nhân, xin ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn. Điều luật được áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82,107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Anh Trần Đăng Khoa chị Lê Thị Kiều T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Cà Mau , Tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẩn vào năm 2015.

[3]Nguyên nhân anh K cho là vợ không tôn trọng cha mẹ chồng, lúc đầu mâu thuẩn nhỏ sau đó lớn dần. Đối với chị T cho là mâu thuẩn vợ chồng anh K không quan tâm gia đình. Tại Toà anh yêu cầu ly hôn chị T cũng thống nhất. Trên tinh thần tự nguyện . Xét thấy mâu thuẩn của vợ chồng anh chị là có xảy ra, thực sự anh, chị đều có lòng tự trọng với nhau không ai nhịn ai. Từ đó mâu thuẩn càng ngày càng thêm trầm trọng không thể hòa giải được tại tòa cả hai đều thống nhất thuận tình ly hôn nên chấp nhận là phù hợp pháp luật và có căn cứ. Vì vậy nghĩ nên có đường lối giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn nhau.

[4]Về con chung: Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người con tên Trần Hải N sinh ngày 09/05/2013. Hiện cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn cả hai điều yêu cầu nuôi . Đối với cháu N hiện nay trên đủ 36 tháng tuổi, song cháu vẩn còn nhỏ tại toà. Anh, chị không thoả thuận được việc nuôi con, về điều kiện kinh tế hiện nay anh K, chị T đều có công việc ổn định, đang sống tại nhà cha mẹ ruột cuộc sống kinh tế vẩn ổn định bình thường cháu N vẩn được chăm sóc, chu đáo học hành như những đứa trẻ khác, từ năm 2015 đến nay cháu vẩn sống chung chị T việc sinh hoạt hằng ngày đã quen với lối sống trong gia đình chị T, cho nên tránh tình trạng xáo trộn tâm lý cuộc sống của cháu. Vì vậy áp dụng theo qui định pháp luật tiếp tục giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng.

[5] Vấn đề cấp dưỡng tại tòa chị T yêu cầu anh Khoa cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 650.000đ. Đối với anh K cho là anh là người có đều kiện kinh tế, nuôi dạy con tốt hơn chị T, vì đều kiện chị T không ổn định xét thấy hiện nay cả hai anh, chị đều có công việc ổn định và cũng như nhận định trên về điều kiện sinh hoạt của cháu N, việc yêu cầu cấp dưỡng của chị T là hợp lý nên chấp nhận, buộc anh K có nghĩa vụ trợ cấp phí nuôi con mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi cháu tròn 18 tuổi phương thức cấp dưỡng hằng tháng.

[6] Đối với ông Lê Hoàng T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do hiện nay anh K, ông T không có yêu cầu về việc tranh chấp xe môtô YaMaHa hiệu Luvas biển số 69C1-023.38, nên hội đồng xét xử không xem xét. Đối với việc bảo lảnh anhTrần Đăng K vào làm việc tại Ngân hàng Kiên Long chi nhánh tỉnh Cà Mau đây là mối quan hệ khác, xét thấy không liên quan đến vụ án, nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Anh, chị xác định không yêu cầu .

[8] Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng : Không có.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 55, 58, 81, 82,107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đăng K và chị Lê Thị Kiều T.

-Về con chung: Anh, chị xác định có 01 người tên Trần Hải N sinh ngày 09/05/2013. Hiện cháu đang sống chung với chị T. Tuyên xử giao cháu Trần Hải N

cho chị T tiếp tục được quyền nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Đăng K có nghĩa vụ trợ cấp chi phí nuôi cháu N hằng tháng, mỗi tháng là 650.000đ, cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm anh K phải nộp là 300.000đ. Ngày 18 tháng 8 năm 2017. Anh K đã dự nộp 300.000đ, (lai 0003558) được chuyển thu sung quỹ nhà nước. Án phí cấp dưỡng anh K phải nộp là 300.000đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Dương Hùng Quang

Nơi nhận:
-Các đương sự; Điều 269 BLTTDS
- VKSND Thành phố Cà Mau;
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- ỦBND xã Lý Văn Lâm,T.P Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn;